| BỘ TÀI CHÍNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 38/2023/TT-BTC | *Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2023* |

# THÔNG TƯ
## Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

2. Thông tư này áp dụng đối với: Người nộp phí, tổ chức thu phí quy định tại Điều 2 Thông tư này; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thu, nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

**Điều 2. Người nộp phí và tổ chức thu phí**

1. Người nộp phí theo quy định tại Thông tư này là các chủ dự án đề nghị cơ quan có thẩm quyền ở trung ương thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan nhà nước thuộc 03 Bộ được giao thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là tổ chức thu phí quy định tại Thông tư này.

**Điều 3. Mức thu phí**

Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Kê khai, nộp phí**

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí cho tổ chức thu phí trong thời gian từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị thẩm định đến trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định, phí nộp theo hình thức quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

2. Chậm nhất là ngày 05 hằng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, thu, nộp và quyết toán phí theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC.

**Điều 5. Quản lý và sử dụng phí**

1. Tổ chức thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương). Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được để lại 65% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động thẩm định, thu phí, theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 35% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

b) Điều 2 Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

3. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ; Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17

tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Cao Anh Tuấn**

**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH**
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| Số tt | Tổng vốn đầu tư *(tỷ đồng)* | Mức phí đối với các Nhóm dự án *(triệu đồng)* | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Đến 10 | 8,0 | 8,6 | 8,8 | 9,2 | 9,6 | 6,0 |
| 2 | Trên 10 đến 20 | 12,5 | 13,0 | 13,5 | 14,0 | 15,0 | 9,0 |
| 3 | Trên 20 đến 50 | 21,0 | 22,0 | 22,5 | 23,0 | 24,0 | 15,0 |
| 4 | Trên 50 đến 100 | 37,5 | 38,0 | 39,0 | 41,0 | 43,0 | 27,0 |
| 5 | Trên 100 đến 200 | 41,5 | 42,0 | 43,0 | 45,0 | 47,0 | 30,0 |
| 6 | Trên 200 đến 500 | 54,0 | 55,0 | 56,0 | 59,0 | 62,0 | 39,0 |
| 7 | Trên 500 đến 1.000 | 61,0 | 62,0 | 63,5 | 66,0 | 69,0 | 44,0 |
| 8 | Trên 1.000 đến 1.500 | 65,0 | 67,0 | 68,5 | 72,0 | 75,0 | 48,0 |
| 9 | Trên 1.500 đến 2.000 | 67,0 | 68,0 | 70,0 | 73,5 | 76,5 | 49,0 |
| 10 | Trên 2.000 đến 3.000 | 70,0 | 71,0 | 73,0 | 76,0 | 79,0 | 51,0 |
| 11 | Trên 3.000 đến 5.000 | 72,5 | 74,0 | 76,0 | 79,0 | 82,0 | 53,0 |
| 12 | Trên 5.000 đến 7.000 | 77,0 | 78,0 | 80,0 | 84,0 | 87,0 | 56,0 |
| 13 | Trên 7.000 | 84,0 | 86,0 | 88,0 | 92,0 | 96,0 | 61,0 |

Ghi chú:

Nhóm dự án trong Biểu nêu trên:

- Nhóm 1. Dự án công trình dân dụng.

- Nhóm 2. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông).

- Nhóm 3. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi.

- Nhóm 4. Dự án giao thông.

- Nhóm 5. Dự án công nghiệp.

- Nhóm 6. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên).

Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất./.